

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC CỦA CHI CỤC KIỂM LÂM NĂM 2025**  
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-CCKL ngày tháng 10 năm 2024 của Chi cục Kiểm lâm)

STT	Cơ quan, địa phương	Biên chế công chức giao từ năm 2022 đến 2024			Số công chức có mặt tại thời điểm 30/10/2024						Biên chế chưa sử dụng của năm 2024	Kế hoạch biên chế giao năm 2025	Biên chế năm 2025 giảm so với năm 2024	Lao động hợp đồng theo ND 111	Ghi chú
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tổng cộng	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng phòng, chi cục, ban	Cấp phó phòng, chi cục, ban	Công chức					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	<b>Chi cục Kiểm lâm</b>	<b>172</b>	<b>171</b>	<b>169</b>	<b>153</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>14</b>	<b>22</b>	<b>114</b>	<b>16</b>	<b>167</b>	<b>-2</b>	<b>12</b>	
1	Lãnh đạo Chi cục	3	3	3	3	1	2				0	3	0		
2	Phòng Tổ chức, hành chính	7	7	7	7			1	1	5	0	6	-1	1	
3	Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và BTTN	5	5	5	5			1	1	3	0	5	0		
4	Phòng Sử dụng và phát triển rừng	6	6	6	5			1		4	1	7	1		
5	Phòng Thanh tra, pháp chế	5	5	5	5			1	1	3	0	5	0		
6	Đội Kiểm lâm cơ động và PCCC rừng	7	7	7	6			1	1	4	1	7	0	1	
7	Hạt Kiểm lâm huyện An Lão	21	20	20	20			1	2	17	0	19	-1	1	
8	Hạt Kiểm lâm huyện Hoài Ân	17	17	16	14			1	1	12	2	15	-1	1	
9	Hạt Kiểm lâm thị xã Hoài Nhơn	10	10	10	9			1	2	6	1	10	0	1	
10	Hạt Kiểm lâm huyện Phù Mỹ	10	10	10	9			1	2	6	1	10	0	1	
11	Hạt Kiểm lâm huyện Phù Cát	10	10	10	8			1	2	5	2	10	0	1	

STT	Cơ quan, địa phương	Biên chế công chức giao từ năm 2022 đến 2024			Số công chức có mặt tại thời điểm 30/10/2024						Biên chế chưa sử dụng của năm 2024	Kế hoạch biên chế giao năm 2025	Biên chế năm 2025 giảm so với năm 2024	Lao động hợp đồng theo ND 111	Ghi chú
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tổng cộng	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng phòng, chi cục, ban	Cấp phó phòng, chi cục, ban	Công chức					
12	Hạt Kiểm lâm thị xã An Nhơn	7	7	7	6				1	5	1	7	0	1	
13	Hạt Kiểm lâm liên huyện Tuy Phước - Quy Nhơn	10	10	10	10			1	2	7	0	10	0	1	
14	Hạt Kiểm lâm huyện Tây Sơn	14	14	14	13			1	2	10	1	14	0	1	
15	Hạt Kiểm lâm huyện Vân Canh	20	20	19	15			1	2	12	4	19	0	1	
16	Hạt Kiểm lâm huyện Vĩnh Thạnh	20	20	20	18			1	2	15	2	20	0	1	

Ghi chú:

-Cột (5) = cột (6) + cột (12)

- Cột (6) = cột (7) + cột (8) + cột

-Cột (14) = cột (13) - cột (5)